TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:145/2019/QĐS-HNGĐ	*Quảng Xương.ngày 12 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Trần Thị L - SN 1980.
2. Anh Trịnh Đình U - SN 1973.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về hôn nhân***: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02/8/2019 chị Trần Thị L và anh Trịnh Đình U thống nhất anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh T ngày 08/01/2000.

Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh U không tin tưởng vợ, hay ghen tuông. Chị L đã giải thích nhiều lần nhưng anh U không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giàn xếp nhiều lần nhưng anh U vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 01/2019, và đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị L và anh U xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh U không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận giữa anh và chị là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] ***Về con chung***: Chị L, anh U thống nhất có 02 con chung tên là Trịnh Thị Thúy N – Sinh ngày 03/01/2001, cháu Trịnh Đình T – Sinh ngày 06/01/2005. Hiện nay cháu N đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T chưa

đến tuổi thành niên, anh, chị thống nhất anh U trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh U.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh và chị là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] ***Về tài sản và công nợ***: Anh, chị thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] ***Về lệ phí***: Chị L, anh U thỏa thuận chị L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trịnh Đình U

- ***Về con chung***: Chị L, anh U thống nhất có 02 con chung tên là Trịnh Thị Thúy N –Sinh ngày 03/01/2001, cháu Trịnh Đình T –Sinh ngày 06/01/2005. Hiện nay cháu N đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T chưa đến tuổi thành niên, anh, chị thống nhất anh U trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh U.

- ***Về tài sản và công nợ:*** Chị L, anh U thống nhất không yêu cầu giải quyết.

2. ***Về lệ phí Tòa án:*** Chị L chịu 300.000đ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 1664 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh T. Chị L đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Q.
- UBND xã Q, huyện Q.
- Lưu hồ sơ.

THẨMPHÁN

Mai Thị Lý